

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-02-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Khoát.

Ông Hoàng Xuân Cương.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05a/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Phùng Thị B trình bày: Chị và anh Vi Văn T kết hôn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2003, sau đó có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 01 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau ngày cưới vợ chồng

chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất xảy ra từ tháng 01 năm 2017. Nguyên nhân là do anh Vi Văn T sống không có trách nhiệm với vợ con, không tu trí làm ăn, thường xuyên chơi bời, uống rượu, chị khuyên bảo nhiều lần để chung sống nhưng anh Vi Văn T không thay đổi, thậm chí anh còn nhiều lần đánh chị, bố mẹ chồng nhìn thấy nhưng không can ngăn. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhờ, sống ly thân anh Vi Văn T từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với anh Vi Văn T được nữa, chị yêu cầu ly hôn.

Bị đơn anh Vi Văn T trình bày: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống sau kết hôn anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng khắc phục được, tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Sau này do kinh tế gia đình khó khăn, vợ anh đi làm công nhân Công ty ở xa nhà, thi thoảng mới về nhà, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn tốt đẹp. Đến tháng 01 năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng như chị Phùng Thị B trình bày là đúng. Nguyên nhân là do anh đi uống rượu về thấy vợ vứt quần áo anh ra ngoài sân, anh không kiềm chế được nên đã đánh vợ. Từ đó vợ anh bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Từ lúc chị Phùng Thị B về nhà bố mẹ đẻ đến nay anh cũng chưa lần nào đến gặp chị Phùng Thị B để xin lỗi hay đến đón vợ về đoàn tụ, anh cũng không tìm biện pháp nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng nếu chị Phùng Thị B đồng ý quay về đoàn tụ anh cam đoan sẽ thay đổi. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Phùng Thị B, nên không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T có 02 con chung là cháu Vi Lệ T1, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2006; cháu Vi Thanh H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008. Hiện nay các con đang ở cùng anh Vi Văn T tại nhà của anh Vi Văn T.

Hai cháu Vi Lệ T1 và Vi Thanh H đều có nguyện vọng được ở cùng bố Vi Văn T. Vì mẹ đã bỏ các cháu đi từ năm, sáu năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Phùng Thị B yêu cầu anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị có nghĩa vụ cấp nuôi dưỡng nuôi mỗi con là 500.000 đồng/01 tháng cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị Phùng Thị B yêu cầu trong trường hợp anh Vi Văn T không đồng ý mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng chị đưa ra, thì chị Phùng Thị B thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng chị yêu cầu được cấp dưỡng nuôi một người con là cháu Vi Thanh H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008, mỗi tháng là 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Vi Thanh H trưởng thành đủ 18 tuổi. Vì điều kiện việc làm, thu nhập của chị hiện nay làm công nhân thời vụ, thu nhập một tháng trung bình là 4.200.000 đồng, trong đó chị còn phải thuê nhà ở để đi làm và chi phí trang trải cho sinh hoạt của chị, ngoài ra chị không có việc làm hay thu nhập thêm nào khác, nên chị không đủ điều kiện về thu nhập để cấp dưỡng nuôi hai con.

Anh Vi Văn T khẳng định anh đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm lo hai con ăn học, vì vậy, trường hợp ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi hai con chung cho đến khi trưởng thành. Tuy nhiên, anh Vi Văn T không đồng ý với mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nuôi con của chị Phùng Thị B đưa ra. Vì chị Phùng Thị B đi làm từ

khi con còn nhỏ, một mình anh khác kiếm tiền nuôi con, chăm sóc con từ đó đến nay. Nay anh yêu cầu chị Phùng Thị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con với phương thức cấp dưỡng một lần cho mỗi con số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tổng số tiền cấp dưỡng một lần cho hai con là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng, chị Phùng Thị B mở thẻ ATM tại Ngân hàng đứng tên của mỗi người con, để sau này các con lớn có tiền lo sự nghiệp. Tại phiên tòa, anh Vi Văn T thừa nhận điều kiện việc làm, thu nhập của chị Phùng Thị B hiện nay làm công nhân thời vụ, thu nhập một tháng trung bình là 4.200.000 đồng, trong đó chị còn phải thuê nhà ở để đi làm và chi phí trang trải cho sinh hoạt của chị, ngoài ra chị không có việc làm hay thu nhập thêm nào khác, như ý kiến của chị Phùng Thị B trình bày tại phiên tòa là đúng. Bản thân anh Vi Văn T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh chị Phùng Thị B có đủ điều kiện việc làm và thu nhập đủ để cấp dưỡng nuôi cả hai con đến khi trưởng thành. Nhưng anh Vi Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu chị Phùng Thị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con với phương thức cấp dưỡng một lần cho cả hai con như yêu cầu của anh đưa ra.

Về tài sản chung: Chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T đều khẳng định không có nợ chung.

Toà án đã tiến hành xác minh đối với người thân anh Vi Văn T, ông Vi Văn B là bố đẻ anh Vi Văn T cho biết: Quá trình chung sống chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, cãi chửi nhau. Từ năm 2015 chị Phùng Thị B đi làm công nhân ở Công ty, thời gian đầu thì thoải mái về nhà, vào tết âm lịch năm 2015 anh chị xảy ra đánh nhau, từ đó chị Phùng Thị B tự ý bỏ đi về nhà ngoại và không thấy về nhà lúc nào. Thời gian đầu Tòa án giải quyết vụ án, anh Vi Văn T đã nhận được các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, nhưng do con trai ông không hiểu biết pháp luật nên không chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án nên không đến Tòa án giải quyết vụ án. Ông đồng ý với ý kiến, yêu cầu của anh Vi Văn T.

Toà án đã tiến hành xác minh tại thôn N, xã C, có xác nhận của UBND xã C, huyện C về mâu thuẫn vợ chồng chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T, Trưởng thôn N cho biết: Chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T được bố mẹ chồng cho ra ở riêng. Năm 2015, chị Phùng Thị B có đi làm ăn xa, các con anh chị lúc đó còn nhỏ, ở nhà cùng anh Vi Văn T. Từ năm 2017 cho đến nay, ông không biết vì lý do gì không thấy chị Phùng Thị B về qua nhà.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn nhiều lần không chấp hành theo các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau thời gian dài từ năm 2017 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt

được, yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị B là có căn cứ; về con chung, chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T đều thừa nhận anh Vi Văn T đồng ý nuôi hai con vì anh có đủ điều kiện nuôi cả hai con và hai con cũng có nguyện vọng ở cùng anh Vi Văn T, nên đề nghị giao hai con cho anh Vi Văn T trực tiếp nuôi hai con đến khi trưởng thành; chấp nhận yêu cầu về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng như yêu cầu của chị Phùng Thị B là có cơ sở buộc chị Phùng Thị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một người con là cháu Vi Thanh H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008, mỗi tháng là 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Vi Thanh H trưởng thành đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung do không có nên không đề nghị xem xét giải quyết; về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Trích lục kết hôn; Giấy khai sinh của hai con chung; các biên bản giao nhận văn bản tố tụng; các biên bản xác minh cùng ngày 12/01/2021; các biên bản kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền; chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T có 02 con chung là cháu Vi Lê T1, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2006 và cháu Vi Thanh H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ vụ án: Quá trình giải quyết vụ án ngoài tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, thì anh Vi Văn T còn có tranh chấp với chị Phùng Thị B về mức cấp dưỡng nuôi con, do vậy, cần xác định quan hệ vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T là hợp pháp. Vì được kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã thực hiện đúng các quy định pháp luật về đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ năm 2017, nhưng anh Vi Văn T không lần nào tìm cách khắc phục trong khi anh chị đã sống ly thân nhau thời gian kéo dài, không còn tình cảm, sự quan tâm, yêu thương, tôn trọng nhau, mâu thuẫn xảy ra không thể khắc phục được. Điều này phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương thôn N, xã C và người thân của anh Vi Văn T về mâu thuẫn của anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn hành phúc. Nay chị Phùng Thị B yêu cầu ly hôn với anh Vi Văn T là có căn cứ quy định tại các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân

và gia đình nên được chấp nhận. Yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Vi Văn T là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T có 02 con chung là cháu Vi Lệ T1, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2006; cháu Vi Thanh H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008. Chị Phùng Thị B có yêu cầu anh Vi Văn T trực tiếp nuôi hai con. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị Phùng Thị B để anh Vi Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Vi Lệ T1 và Vi Thanh H được anh Vi Văn T đồng ý nuôi hai con, vì anh khẳng định anh có đủ điều kiện để nuôi cả hai con và hai con cũng có nguyện vọng ở cùng anh Vi Văn T, nên yêu cầu của chị Phùng Thị B để anh Vi Văn T được quyền trực tiếp nuôi hai con nên cần giao hai con chung cho anh Vi Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Vi Lệ T1 và Vi Thanh H đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Phùng Thị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì do chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T có quyền tự thỏa thuận với nhau, căn cứ vào khả năng, thu nhập thực tế của người cấp dưỡng là chị Phùng Thị B. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất thỏa thuận được với nhau về vấn đề này. Xét thấy, mức thu nhập của chị Phùng Thị B hiện nay đang làm công nhân thời vụ tại Công ty ở tỉnh Bắc Ninh, có mức thu nhập không ổn định, trung bình là 4.200.000 đồng/01 tháng, có xác nhận của chính quyền địa phương, ngoài ra chị không có việc làm có thu nhập nào khác, nên cần buộc chị Phùng Thị B người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một người con là phù hợp với điều kiện việc làm, thu nhập thực tế của chị Phùng Thị B, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nuôi con của chị Phùng Thị B là hợp lý và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc chị Phùng Thị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một người con là cháu Vi Thanh H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008, mỗi tháng là 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Vi Thanh H trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi hai con, về phương thức cấp dưỡng một lần cho cả hai con và hình thức cấp dưỡng đứng tên hai con của anh Vi Văn T là không phù hợp với điều kiện thực tế về việc làm, thu nhập của chị Phùng Thị B và không phù hợp quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình như đã nêu ở trên, nên không được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Phùng Thị B và anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Phùng Thị B, anh Vi Văn T không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phùng Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 5 Điều 28, a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị B được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Anh Vi Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Vi Lệ T1, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2006; cháu Vi Thanh H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Phùng Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vi Thanh H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Vi Thanh H trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi cháu Vi Thanh H kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Phùng Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Phùng Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Phùng Thị B đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000418 ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Chị Phùng Thị B còn phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Huyền